

Số : 2577/STC-GCS&DN
V/v hướng dẫn khoán sử dụng xe ô tô

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 9 năm 2019

Kính gửi:

- Văn phòng Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3122/UBND-CS ngày 21/5/2019 về việc triển khai thực hiện Thông tư của Bộ Tài chính về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính hướng dẫn như sau:

I/ Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

II/ Một số quy định chung:

1. Mục đích khoán xe ô tô công:

- Nhằm tăng cường quản lý, sử dụng xe ô tô công phục vụ công tác có hiệu quả; góp phần thực hiện mục tiêu giảm 30-50% số xe ô tô công đến năm 2020 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Giảm áp lực đầu tư mua sắm xe ô tô công hàng năm cho ngân sách;

- Giảm chi phí thường xuyên sử dụng xe ô tô công hàng năm.

3. Nguyên tắc:

Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung phải đảm bảo đúng đối tượng, không làm phát sinh tăng chi phí hành chính hàng năm và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Trường hợp tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các công đoạn thì không thực hiện trang bị xe ô tô.

III/ Khoán xe ô tô:

1. Đối tượng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô:

a) Các Chức danh tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ (gọi tắt là: Nghị định số 04/2019/NĐ-CP);

b) Các Chức danh khoán theo yêu cầu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.

c) Các Chức danh khoán bắt buộc thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 12 và khoản 3 Điều 13 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP;

2. Công đoạn:

a) Các Chức danh tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP thực hiện khoán:

- + Khoán đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại;
- + Khoán đi công tác.

b) Các Chức danh khoán theo yêu cầu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP và các Chức danh khoán bắt buộc thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 12 và khoản 3 Điều 13 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP;

+ Công đoạn đi công tác phạm vi trong tỉnh cách trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị từ 10 km trở lên (đối với các địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các địa bàn còn lại)

- + Thực hiện khoán khi đi công tác.

3. Hình thức khoán kinh phí:

a) Hình thức khoán theo km thực tế:

Đối với công đoạn đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km từ nơi ở đến cơ quan (2 lần/ngày), số ngày làm việc thực tế trong tháng và đơn giá khoán.

Đối với công đoạn đi công tác: Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km thực tế của từng lần đi công tác và đơn giá khoán.

b) Hình thức khoán gọn:

Đối với công đoạn đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Căn cứ khoảng cách bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa đón bình quân hàng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn, đơn giá khoán để xác định mức khoán gọn áp dụng cho tất cả các chức danh.

Đối với công đoạn đi công tác: Căn cứ số km bình quân đi công tác hàng tháng theo yêu cầu công việc của các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và đơn giá khoán.

4. Mức khoán kinh phí:

a) Các Chức danh tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP thực hiện khoán:

- Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại được xác định như sau:

+ Hình thức khoán theo km thực tế:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \text{Số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (km)} \times \text{Số ngày làm việc thực tế trong tháng (ngày)} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$$

Trong đó:

* Số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại là khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại của chức danh nhận khoán;

* Số ngày làm việc thực tế trong tháng là số ngày chức danh nhận khoán thực tế làm việc tại cơ quan (bao gồm cả ngày làm thêm vào các ngày thứ 7, chủ nhật hoặc các ngày nghỉ lễ, nếu phát sinh).

* Đơn giá khoán: Phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường tại địa phương.

+ Hình thức khoán gọn:

Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định áp dụng mức khoán gọn đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế, khoảng cách từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại của các chức danh nhận khoán. Mức khoán được xác định như sau:

$$\text{Mức khoán (đồng/ tháng)} = \frac{\text{Số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (km)}}{\text{Số ngày đưa đón bình quân hàng tháng (ngày)}} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$$

Trong đó:

* Số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại:

Trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh: Được tính theo tổng số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) của tất cả các chức danh nhận khoán chia (:) tổng số chức danh thuộc đối tượng khoán;

Trường hợp áp dụng đối với từng chức danh: Được tính theo số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) của từng chức danh nhận khoán.

* Số ngày đưa đón bình quân hàng tháng (ngày/tháng): 22 ngày theo quy định của Bộ luật Lao động.

* Đơn giá khoán: Phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường tại địa phương.

b) Các Chức danh khoán theo yêu cầu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP và các Chức danh khoán bắt buộc thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 12 và khoản 3 Điều 13 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP;

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô quy định áp dụng khoán cho toàn bộ công đoạn đi công tác hoặc từng công đoạn (ví dụ: khoán khi đi công tác trong nội tỉnh; khoán đi công tác trên địa bàn của huyện,...); mức khoán kinh phí đối với công đoạn đi công tác được xác định như sau:

- Hình thức khoán theo km thực tế:

Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công đoạn đi công tác trong trường hợp áp dụng hình thức khoán theo km thực tế được xác định như sau:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \text{Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác (km)} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$$

Trong đó:

* Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác được xác định trên cơ sở khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất từ cơ quan đến các địa điểm công tác (mà xe ô tô kinh doanh vận tải được phép lưu thông) các đợt công tác của từng chức danh nhận khoán.

* Đơn giá khoán: Phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường tại địa phương.

- Hình thức khoán gọn

Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức khoán gọn đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế, áp dụng trong trường hợp đi công tác thường xuyên trong tháng (tổng số ngày đi công tác chiếm trên 50% tổng số ngày làm việc trong tháng theo quy định của Bộ luật Lao động) của các chức danh áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. Mức khoán được xác định như sau:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \text{Số km đi công tác bình quân hàng tháng (km)} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$$

Trong đó:

+ Số km đi công tác bình quân hàng tháng:

* Trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh: Được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của tất cả các chức danh áp dụng khoán chia (:) Tổng số chức danh áp dụng khoán chia (:) 12 tháng;

Trong thực tế trong năm có chức danh đi công tác nhiều, có chức danh đi công tác ít hơn, do đó cần xác định hệ số phân bổ để có mức khoán phù hợp thực tế.

* Trường hợp áp dụng đối với từng chức danh: Được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của từng chức danh chia (:) 12 tháng;

+ Đơn giá khoán: Phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường tại địa phương.

5. Nguồn kinh phí khoán:

Nguồn kinh phí khoán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước. Kinh phí khoán được thanh toán cho người nhận khoán cùng với việc chi trả tiền lương hàng tháng.

Riêng kinh phí khoán theo hình thức: khoán theo km thực tế khi đi công tác được thanh toán cùng với việc thanh toán công tác phí.

6. Tổ chức thực hiện và báo cáo:

a) Tổ chức thực hiện:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện xây dựng phương án khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công khai, minh bạch, hiệu quả đúng quy định.

Đối với các chức danh khoán bắt buộc thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 12 và khoản 3 Điều 13 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP **tiến hành thực hiện khoán kinh phí cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.**

Phương án khoán sử dụng xe ô tô gửi đến Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh).

b) Báo cáo đề xuất xử lý xe ô tô dôi dư:

- Đề xuất phương án xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hiện hành
- Cập nhật đầy đủ số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.
- Hằng năm lập báo cáo đánh giá hiệu quả thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, phân tích hiệu quả, thuận lợi, khó khăn và đề xuất những giải pháp gửi Sở Tài chính để báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

IV Thuê dịch vụ xe ô tô:

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng trong các trường hợp sau:

- a) Xe ô tô hiện có không đủ để bố trí phục vụ công tác, không áp dụng hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô;
- b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô nhưng không thuộc trường hợp được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 3 Điều 12 và khoản 3 Điều 13 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP;
- c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc đối tượng được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng theo quy định Nghị định số 04/2019/NĐ-CP nhưng không thực hiện trang bị xe ô tô và không áp dụng hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể, thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường, cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, doanh nghiệp nhà nước thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô. Giá thuê dịch vụ xe ô tô phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, GCS&DN, Uyính-30.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



